

EVALUATION OF THE GROWTH PERFORMANCE OF THE LAC THUY CHICKEN BREED RAISED UNDER A SEMI-INTENSIVE SYSTEM IN QUANG TRACH DISTRICT, FORMER QUANG BINH PROVINCE

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG CỦA GIỐNG GÀ LẠC THỦY
NUÔI BÁN CHĂN THẢ TẠI HUYỆN QUẢNG TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH (CŨ)

Nguyễn Thị Thanh Thùy, Diệp Thị Lệ Chi, Phan Thị Mỹ Hạnh
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The purpose of this study was to evaluate the growth performance of the Lac Thuy chicken breed in order to provide a basis for farmers to select suitable breeding stock. With a total of 2000 broiler chickens raised under a semi-intensive system from 1 day old to 20 weeks of age, the results showed that the final survival rate was 96.45%, the average body weight at 20 weeks was 2.02 kg per bird, and the growth rate of male chickens was 3-8 g/day higher than females from 4 to 18 weeks of age, with about 22% heavier body weight at the time of sale. The feed conversion ratio was 4.25 kg of feed per kg of body weight gain. The Lac Thuy chicken breed demonstrated high viability and adaptability to the farming conditions in former Quang Binh province.*

Keywords: *Lac Thuy chickens, weight gain, semi-intensive, Quang Binh.*

TÓM TẮT: *Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá khả năng sinh trưởng của giống gà Lạc Thủy nhằm làm cơ sở giúp người chăn nuôi lựa chọn con giống phù hợp. Với tổng số 2000 con gà thịt nuôi theo phương thức bán chăn thả từ 1 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi kết quả cho thấy, tỷ lệ nuôi sống cuối kỳ 96,45%, khối lượng lúc 20 tuần tuổi trung bình 2,02 kg/con, tốc độ sinh trưởng ở gà trống cao hơn gà mái từ 3 - 8 g/ngày sau 4 đến 18 tuần tuổi và khối lượng cơ thể nặng hơn khoảng 22% ở thời điểm xuất bán, chi phí thức ăn cho 1kg tăng khối lượng 4,25 kg. Giống gà Lạc Thủy có sức sống cao và phù hợp với điều kiện chăn nuôi ở Quảng Bình (cũ).*

Từ khóa: *Gà Lạc Thủy, sinh trưởng, bán chăn thả, Quảng Bình.*

1. GIỚI THIỆU

Gà Lạc Thủy là giống địa phương của huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình nằm trong chương trình “Bảo tồn nguồn gen vật nuôi”. Năm 2014 được Viện Chăn nuôi nhân nuôi thuần chủng, bảo tồn và nhân rộng ở các địa phương vào năm 2016 [6]. Gà có ngoại hình đẹp, dễ nuôi, thích hợp với nuôi bán chăn thả, tận dụng tốt thức ăn ở vùng nông thôn, khả năng sinh trưởng khá và thịt thơm ngon, phù hợp với sở thích của người tiêu dùng hiện nay [6], [7], [8].

Tại tỉnh Quảng Bình (cũ), giống gà Lạc Thủy chỉ vừa được nuôi tự phát tại một số cơ sở và chưa có đánh giá nào về sự thích nghi, sức sản

xuất thịt cũng như hiệu quả kinh tế mang lại. Để góp phần thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh [4], đồng thời nhằm phục vụ cho người tiêu dùng có sản phẩm chất lượng sạch, an toàn trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, Hợp tác xã Chăn nuôi tổng hợp sạch Nam Hồng Quảng nhận thấy đối tượng gà Lạc Thủy là giống gà được nhiều người dân trong tỉnh quan tâm và nuôi trong thời gian gần đây, là giống gà có nhiều đặc điểm phù hợp với tiêu chí sản phẩm đầu ra của mình. Xuất phát từ vấn đề đó Hợp tác xã tiến hành nuôi thí nghiệm nhằm đánh giá mức độ thích nghi của giống gà Lạc Thủy cũng

nếu khả năng sinh trưởng trong điều kiện nuôi bán chăn thả tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ). Đồng thời, làm cơ sở giúp người chăn nuôi lựa chọn con giống phù hợp, góp phần đa dạng hóa nguồn gen vật nuôi của tỉnh.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: giống gà Lạc Thủy nuôi thịt từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi.

- Nguồn gốc giống: được nhập từ Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương - Viện Chăn nuôi (Hà Nội).

2.2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu

- Địa điểm: Gà được nuôi tại Hợp tác xã Chăn nuôi tổng hợp sạch Nam Hồng Quảng xã Quảng Trạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ).

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12/2022 đến tháng 4/2023.

2.3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Nội dung nghiên cứu

Đánh giá khả năng sinh trưởng của giống gà Lạc Thủy nuôi theo phương thức bán chăn thả tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ).

2.3.2. Bố trí nuôi thí nghiệm

a. Quy mô: 2000 gà Lạc Thủy thương

phẩm.

b. Chuồng trại: 170 m² khu vực chuồng trại, 4.000 m² khu vực chăn nuôi và 150 m² bố trí kho, nhà ở người lao động, hệ thống xử lý chất thải...

c. Thức ăn và nuôi dưỡng

* Khẩu phần ăn:

- Từ 0 - 21 ngày tuổi: gà nuôi bằng thức ăn hỗn hợp dành cho gà con (TÁHH).

- Sau 21 ngày tuổi - xuất chuồng: Gà nuôi bằng khẩu phần thức ăn tự phối trộn (TÁTT) gồm các nguyên liệu, tỷ lệ các nguyên liệu và thành phần protein thô (CP), năng lượng trao đổi (ME) thể hiện ở Bảng 1.

* Nuôi dưỡng:

- Giai đoạn 1 đến 21 ngày tuổi, cho gà con ăn tự do 24 giờ.

- Giai đoạn sau 21 ngày tuổi đến khi xuất bán, cho gà ăn tự do trong ngày (cho ăn 2 lần vào lúc 6 giờ và 14 giờ).

- Giai đoạn 15 tuần tuổi đến khi xuất bán bổ sung thêm thóc, thức ăn thô xanh (chủ yếu thân cây chuối) được trồng ở trang trại kết hợp gà tự kiếm ăn trong khu chăn thả, thức ăn tự trộn giảm dần hoặc chỉ bổ sung khi thời tiết bất lợi gà không đi kiếm ăn được.

- Nước uống cung cấp tự do và đảm bảo vệ sinh.

Bảng 1. Công thức phối hợp và giá trị dinh dưỡng của khẩu phần ăn cho gà thịt sau 21 ngày tuổi đến xuất bán

TT	Nguyên liệu thức ăn	Tỷ lệ nguyên liệu (%)
1	Ngô	59
2	Cám	20
3	Khô dầu đậu tương	13,5
4	Bột cá	6
5	Premix vitamin	0,5
6	Premix khoáng	1,00
Tổng		100
Ước tính giá trị dinh dưỡng và giá thành của 1kg TÁTT:		
1	CP (%)	17,08
2	ME (Kcal/kg)	3090
3	Giá thành/kg TÁ (nghìn đồng)	13

d. Quy trình nuôi và thú y: Áp dụng theo Quy chuẩn Quốc gia [1]. Trong đó các loại vắc xin được sử dụng gồm: Lasota và newcastle dùng 2 lần/loại; đậu gà, gumboro và cúm gia cầm dùng 1 lần/loại.

e. Các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi:

Quan sát hàng ngày để theo dõi và ghi nhận khả năng sinh trưởng của đàn gà thông qua các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ nuôi sống được xác định theo từng tháng tuổi và cả đợt nuôi: Tỷ lệ nuôi sống (%) = $(\text{Số gà còn sống} / \text{Số gà ban đầu}) * 100$.

- Các chỉ tiêu sinh trưởng: Tiến hành cân ngẫu nhiên 10% số gà thí nghiệm ở các thời điểm 1 ngày tuổi, sau đó cân định kỳ 2 tuần một lần đến khi xuất bán (20 tuần tuổi), cân vào buổi sáng trước khi cho gà ăn. Gà một ngày tuổi cân theo nhóm 30 con/lần, giai đoạn từ 2 đến 20 tuần tuổi cân từng cá thể bằng cân đồng hồ có độ chính xác $\pm 10\text{g}$, con trống và mái từ 4 tuần tuổi được cân riêng theo tỷ lệ 1:1. Từ đó xác định giá trị trung bình các chỉ số sinh trưởng sau:

+ Sinh trưởng tích lũy (khối lượng cơ thể gà) (g/con): được xác định vào thời điểm 1 ngày tuổi và 2 tuần một lần đến khi kết thúc thí nghiệm.

+ Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày): xác định hai tuần một lần và trung bình mỗi ngày

trong cả giai đoạn nuôi.

+ Sinh trưởng tương đối (%): được xác định theo tháng tuổi (4 tuần 1 lần).

- Lượng thức ăn tiêu thụ (g/con/ngày): xác định dựa vào việc theo dõi lượng thức ăn cho ăn, lượng thức ăn dư thừa của thức ăn tinh (TĂHH, TĂTT) và thóc trên tổng số gà tại thời điểm khảo sát tính trong hai tuần một lần và trung bình cả giai đoạn nuôi.

- Hiệu quả sử dụng thức ăn (FCR): căn cứ vào lượng thức ăn tinh, thóc tiêu thụ và khối lượng cơ thể gà tăng lên tương ứng tại các thời điểm tính lượng thức ăn thu nhận và khối lượng gà để xác định.

2.3.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng Excel và Minitab 16.2 để xử lý dữ liệu. Sự khác biệt giữa các giá trị được phân tích bằng phương pháp Tukey (HSD). Hai giá trị trung bình được xem là khác biệt khi $P < 0,05$.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tỷ lệ nuôi sống của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Tỷ lệ nuôi sống của gà phụ thuộc vào yếu tố ngoại cảnh và chất lượng đàn giống. Đây là chỉ số quan trọng trong chăn nuôi phản ánh sức sống và khả năng kháng bệnh của gia cầm, đồng thời là tiêu chí đánh giá sức sản xuất thịt của chúng.

Bảng 2. Tỷ lệ nuôi sống của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Tuần tuổi	Số gà ban đầu (con)	Số gà còn sống (con)	Tỷ lệ sống (%)
4	2000	1942	97,10
8	1942	1935	99,64
12	1935	1929	99,69
16	1929	1929	100
18	1929	1929	100
20	1929	1929	100
0 - 20	2000	1929	96,45

Kết quả theo dõi ở Bảng 2 cho thấy, gà Lạc Thủy có tỷ lệ nuôi sống cao đạt 96,45% tính cho cả giai đoạn nuôi thịt (20 tuần). Trong đó, tỷ lệ sống thấp nhất ở giai đoạn nuôi úm gà con (0 - 4 tuần tuổi) là 97,1%. Giai đoạn này, gà dễ bị ảnh hưởng bởi chất lượng giống sau khi nở, cách chăm sóc và đặc biệt là nhiệt độ chuồng nuôi. Đáng chú ý sau 12 tuần tuổi gà có sức sống cao đạt 100%. Điều đó có thể gà ở giai đoạn này đã có sức đề kháng bệnh cao, điều kiện về thời tiết từ tháng 3 đến tháng 4 ổn định hơn so với thời gian trước đó, đồng thời kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh của cơ sở tốt đã đảm bảo cho đàn gà khỏe mạnh và sinh trưởng.

So với kết quả nghiên cứu trên cùng đối tượng chúng tôi thấy rằng, gà nuôi ở Quảng Bình (cũ) có tỷ lệ nuôi sống cao hơn so với kết quả gà nuôi tại Đồng Nai là 92,31% [3] và nuôi tại Viện Chăn nuôi lúc 15 tuần tuổi là 92% [6]. Đồng thời cũng cao hơn so với các giống gà địa phương khác như: gà Ri 89 - 95%, gà Đông Tảo

92% và gà Hồ 91% [2]. Điều đó chứng tỏ gà Lạc Thủy có sức sống cao và thích nghi tốt với điều kiện ở Quảng Bình (cũ).

3.2. Sinh trưởng tích lũy của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Sinh trưởng tích lũy hay khối lượng cơ thể là khả năng tăng khối lượng của cơ thể gà tại các thời điểm xác định, đây là chỉ tiêu quan trọng được quan tâm của người chăn nuôi. Nó được dùng để xác định sức sản xuất thịt, đồng thời dùng để đánh giá hiệu quả sử dụng thức ăn của đàn gà trong giai đoạn sinh trưởng.

Kết quả Bảng 3 cho thấy, khối lượng cơ thể của gà Lạc Thủy tăng dần theo tuần tuổi và có sự khác nhau đáng kể giữa gà trống và mái từ tuần tuổi thứ 6 ($P < 0,05$). Cụ thể, khối lượng bình quân đàn gà lúc 1 ngày tuổi 32,8 g/con, tại thời điểm 4; 8; 12 và 16 tuần tuổi lần lượt là 409,18; 950,03; 1547,94 và 1878,40 g/con. Kết thúc thí nghiệm lúc 20 tuần tuổi (xuất bán) khối lượng gà là 2022,13 g/con.

Bảng 3. Sinh trưởng tích lũy của gà Lạc thủy theo tuần tuổi (g/con)

Tuần tuổi	Trống (M ± SEM)	Mái (M ± SEM)	Bình quân đàn (M ± SEM)	P
1 ngày	32,80 ± 0,03			
2	160,73 ± 1,82			
4	418,32 ± 5,95	400,04 ± 6,31	409,18 ± 5,10	0,07
6	707,22 ^a ± 12,81	642,60 ^b ± 12,30	674,90 ± 13,60	0,01
8	1015,81 ^a ± 15,40	884,25 ^b ± 11,42	950,03 ± 24,35	0,00
10	1326,30 ^a ± 12,80	1127,40 ^b ± 10,30	1226,91 ± 34,72	0,00
12	1708,31 ^a ± 8,67	1387,10 ^b ± 11,90	1547,94 ± 53,90	0,00
14	1963,50 ^a ± 10,64	1557,51 ^b ± 7,25	1760,50 ± 68,31	0,00
16	2113,40 ^a ± 11,20	1643,43 ^b ± 7,02	1878,40 ± 78,63	0,00
18	2204,22 ^a ± 10,20	1712,02 ^b ± 8,15	1958,15 ± 82,30	0,00
20	2273,12 ^a ± 11,60	1771,03 ^b ± 10,30	2022,13 ± 84,05	0,00
Số sánh trống, mái (%)	100	77,91		

Ghi chú: M: Số trung bình; SEM: sai số của số trung bình; P: xác suất; Ký tự a, b trong cùng hàng ngang chỉ sự sai khác có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Khối lượng cơ thể giữa gà trống và mái lúc 4 tuần tuổi không có sự khác nhau về mặt thống kê ($P>0,05$), chứng tỏ giai đoạn gà con khả năng sinh trưởng là tương đương theo giới tính. Tuy nhiên từ tuần tuổi thứ 6 đến khi xuất bán có sự khác nhau đáng kể giữa hai nhóm này ($P<0,05$). Trong đó, khối lượng gà trống cao hơn so với gà mái lúc 16 tuần tuổi là 470 g/con và 502 g/con ở 20 tuần tuổi. Nếu xem khối lượng lúc xuất bán ở gà trống là 100% thì gà mái là 77,91% hay gà trống nặng hơn gà mái khoảng 22%. Như vậy, khả năng sinh trưởng của gà Lạc Thủy sau 1 tháng tuổi là khác nhau giữa trống và mái. Kết quả này cũng tương đương với nghiên cứu của Phan Kiều Ngự năm 2019 [5].

So với kết quả nghiên cứu trên cùng đối tượng nuôi ở địa phương khác thấy rằng, gà nuôi

tại Quảng Bình (cũ) ở 16 tuần tương đương với gà nuôi tại Bắc Giang lúc 17 tuần (1878,3 g/con) [7], nhưng so với nuôi ở Đồng Nai lúc 8 và 16 tuần tuổi có khối lượng cao hơn tương ứng 379 và 422 g/con [3], cũng cao hơn kết quả nuôi ở Viện Chăn nuôi lần lượt là 362 và 575 g/con [6]. Như vậy, sau 3 tuần tuổi gà sử dụng khẩu phần thức ăn tự phối trộn với mức protein thô 17,08% và năng lượng trao đổi 3090 Kcal/kg trong nghiên cứu của chúng tôi có cao hơn. Điều đó cho thấy, khẩu phần đảm bảo cho sự sinh trưởng của gà Lạc Thủy và khả năng thích nghi với điều kiện nuôi ở Quảng Bình (cũ).

3.3. Sinh trưởng tuyệt đối của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Đây là tiêu chí dùng để đánh giá sự gia tăng khối lượng cơ thể trong khoảng thời gian giữa hai lần xác định.

Bảng 4. Sinh trưởng tuyệt đối của gà Lạc thủy theo tuần tuổi (g/con/ngày)

Tuần tuổi	Trống (M ± SEM)	Mái (M ± SEM)	Bình quân đàn (M ± SEM)	P
0 - 2	9,14 ± 0,13			
2 - 4	17,75 ± 0,33			
4 - 6	20,63 ^a ± 0,74	17,60 ^b ± 0,44	19,12 ± 0,66	0,01
6 - 8	22,04 ^a ± 0,58	17,26 ^b ± 0,47	19,65 ± 0,87	0,00
8 - 10	22,18 ^a ± 0,90	17,37 ^b ± 0,40	19,78 ± 0,93	0,00
10 - 12	27,28 ^a ± 0,63	18,78 ^b ± 0,53	23,03 ± 1,47	0,00
12 - 14	18,23 ^a ± 0,52	12,14 ^b ± 0,31	15,18 ± 1,05	0,00
14 - 16	10,70 ^a ± 0,45	6,13 ^b ± 0,31	8,42 ± 0,80	0,00
16 - 18	6,49 ^a ± 0,24	4,90 ^b ± 0,13	5,70 ± 0,29	0,00
18 - 20	4,93 ± 0,26	4,21 ± 0,21	4,57 ± 0,20	0,06
0 - 20	14,94 ^a ± 0,19	11,59 ^b ± 0,16	13,26 ± 0,57	0,00
So sánh trống, mái (%)	100	77,58		

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy, tốc độ sinh trưởng tuyệt đối của gà Lạc Thủy tăng mạnh từ 4 - 12 tuần tuổi sau đó giảm dần, trong đó cao nhất ở giai đoạn 10 - 12 tuần tuổi (23,03 g/con/ngày) và thấp nhất ở 18 - 20 tuần tuổi

(4,57 g/con/ngày), trung bình cả thời gian nuôi (20 tuần) là 13,26 g/con/ngày. Nếu tính theo tháng nuôi, khả năng sinh trưởng tuyệt đối mạnh nhất ở tháng nuôi thứ 2 và 3 tương ứng là 487,95 và 506,14 g/con/tháng. Kết quả là cơ sở

giúp người nuôi có biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và quyết định thời điểm xuất bán nhằm mang lại hiệu quả kinh tế.

Kết quả cũng thấy rằng, tốc độ sinh trưởng của giống gà Lạc Thủy chậm và kéo dài hơn so với các nhóm gà lai khác thường giảm nhanh sau 8 - 10 tuần tuổi. Đặc điểm này là phù hợp với khả năng sinh trưởng của các giống gà địa phương. Tuy năng suất thịt thấp hơn nhưng phù hợp với mục đích về khối lượng và phẩm chất thịt của người tiêu dùng hiện nay.

Tốc độ sinh trưởng giữa gà trống và gà mái có sự khác nhau về giá trị. Điều này thể hiện

rõ sau 4 đến 18 tuần tuổi, gà trống cao hơn gà mái từ khoảng 3 - 8 g/ngày ($P < 0,05$) và cả giai đoạn là 22,42%. Tuy nhiên, sau 18 tuần giá trị này có xu hướng tương đương giữa hai giới.

3.4. Sinh trưởng tương đối của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Sinh trưởng tương đối là tỷ lệ phần trăm tăng lên của khối lượng cơ thể với bình quân khối lượng giữa hai lần xác định. Chỉ số này phản ánh mức độ tăng khối lượng của gà sau một khoảng thời gian nuôi. Quan đó giúp người chăn nuôi có biện pháp và thời điểm tác động phù hợp nhất.

Bảng 5. Sinh trưởng tương đối của gà Lạc thủy theo tuần tuổi (%)

Tuần tuổi	Trống (M ± SEM)	Mái (M ± SEM)	Bình quân đàn (M ± SEM)	P
0 - 4	170,28 ± 0,35			
4 - 8	125,75 ± 1,78	120,03 ± 1,43	122,89 ± 1,44	0,04
8 - 12	83,59 ^a ± 1,63	75,39 ^b ± 1,48	79,49 ± 1,72	0,01
12 - 16	60,91 ^a ± 1,85	54,80 ^b ± 0,75	57,86 ± 1,39	0,02
16 - 20	50,54 ^a ± 1,43	44,33 ^b ± 1,22	47,43 ± 1,36	0,01

Kết quả cho thấy, tăng trưởng tương đối về khối lượng của gà Lạc Thủy giảm nhanh theo độ tuổi tăng lên. Gà tăng nhanh nhất ở tháng nuôi thứ nhất (170,28%), sau đó giảm dần theo thời gian nuôi, đến tháng nuôi thứ 5 (16 - 20 tuần) giá trị này chỉ còn 47,43%. Nếu xem tăng trưởng tương đối tháng nuôi đầu là 100% thì tháng nuôi thứ 2 là 72,17%, tháng nuôi thứ 3; 4 và 5 lần lượt tương ứng: 46,68; 33,98 và 27,85%. Kết quả nghiên cứu phù hợp với quy luật chung của quá trình sinh trưởng và phát triển của gia cầm.

Nghiên cứu cũng thấy rằng, sinh trưởng tương đối giữa gà trống và mái có sự khác nhau về mặt thống kê tại các thời điểm xác định sau 4 tuần tuổi ($P < 0,05$). Trong đó, khả năng tăng

khối lượng tương đối ở gà trống cao hơn gà mái khoảng 6 - 8%. So với kết quả nghiên cứu của Vũ Ngọc Sơn và cs [6], chỉ tiêu này của gà nuôi tại Quảng Bình (cũ) qua từng giai đoạn đều có khả năng tăng trưởng nhanh hơn.

3.5. Lượng thức ăn thu nhận và hiệu quả sử dụng thức ăn tinh của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Kết quả về lượng thức ăn thu nhận (thức ăn tiêu thụ hay thức ăn ăn vào) được ghi nhận ở Bảng 6 cho thấy, chỉ tiêu này của gà Lạc Thủy tăng dần đến 14 tuần tuổi, trong đó tăng mạnh từ 4 - 14 tuần. Nếu tính theo tháng nuôi thấy rằng, gà ở tháng thứ 2 và 3 lượng thức ăn tiêu thụ gấp 2,38 - 2,60 g/con/ngày so với tháng nuôi đầu. Tuy thời gian nuôi dài hơn so với một

số nghiên cứu đã công bố (16 tuần) [3], [5], [6] nhưng từ tuần thứ 15 đến khi xuất bán chúng tôi bổ sung tăng dần lượng thóc và thức ăn thô xanh, đồng thời cho gà tự kiếm ăn trong khu

chăn thả nhằm tăng chất lượng thịt của đàn gà và giảm chi phí thức ăn tinh phối trộn, vì vậy sau 14 tuần lượng thức ăn tiêu thụ có giảm dần.

Bảng 6. Lượng thức ăn tiêu thụ và hiệu quả sử dụng thức ăn tinh của gà Lạc Thủy theo tuần tuổi

Tuần tuổi	Thức ăn tiêu thụ (g/con/ngày)	Hiệu quả sử dụng thức ăn (kg thức ăn/1 kg tăng khối lượng)
0 - 2	16,90	1,85
2 - 4	38,15	2,15
4 - 6	64,53	3,40
6 - 8	66,26	3,35
8 - 10	70,93	3,61
10 - 12	72,47	3,16
12 - 14	75,72	5,01
14 - 16	67,06	7,90
16 - 18	66,04	11,60
18 - 20	64,41	14,09
0 - 20	60,25	4,25

Hiệu quả sử dụng thức ăn hay chi phí thức ăn cho 1 kg tăng khối lượng trong 20 tuần nuôi ở gà Lạc Thủy là khá cao với 4,25 kg. Trong đó giai đoạn từ 4 - 12 tuần có giá trị 3,16 - 3,61 kg. Tuy nhiên, sau đó tăng dần và cao nhất ở tháng nuôi cuối (16 - 20 tuần) là 11,60 - 14,09 kg. Điều đó cho thấy việc bổ sung thóc để giảm chi phí thức ăn tinh và tăng chất lượng thịt trong khi tăng trưởng của gà giảm mạnh theo tuổi đã làm tăng chỉ số này. Đây là cơ sở giúp người chăn nuôi có chế độ nuôi dưỡng và quyết định thời

gian xuất bán phù hợp nhằm mang lại hiệu quả kinh tế. Nếu tính đến 16 tuần tuổi, tiêu tốn thức ăn trong nghiên cứu này là 3,6 kg tương đương với kết quả 3,43 - 3,65 kg của Phạm Thành Định và cs năm 2017 [3], nhưng thấp hơn tác giả Phan Kiều Ngự năm 2019 [5] có giá trị 3,98 - 4,00 kg trên cùng đối tượng thí nghiệm.

3.6. Ước tính hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế được ước tính dựa vào chi phí con giống, thức ăn cùng một số chi phí chính khác. Kết quả được thể hiện ở Bảng 7.

Bảng 7. Kết quả ước tính hiệu quả kinh tế

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	CHI PHÍ SẢN XUẤT				269.674.500
1	Giống (gà Lạc Thủy)	con	2.000	14.000	28.000.000
2	Thức ăn				208.994.500
	Thức ăn hỗn hợp	kg	885	14.500	12.832.500
	Thức ăn tự phối trộn	kg	13.974	13.000	181.662.000
	Thóc	kg	1.500	8.000	12.000.000
	Thân cây chuối	cây	130	15.000	1.950.000
	Rau xanh	kg	110	5000	550.000
3	Vật tư khác (vacxin, thuốc thú y...)				18.595.000
4	Điện sưởi úm + thấp sáng	Kwh	455	2.200	1.001.000
5	Khấu hao thiết bị máy móc, cơ sở	%	10	130.840.000	13.084.000
II	TỔNG THU				385.800.000
	Bán gà (2000 con x 96,45% x 2 kg)	kg	3.858	100.000	385.800.000
III	LỢI NHUẬN				116.125.500

Như vậy, với quy mô 2000 gà Lạc Thủy nuôi thịt theo phương thức bán chăn thả và theo mức tính các chi phí trên, sau 5 tháng nuôi ước tính được khoảng 23 triệu đồng/tháng. Kết quả thu được khá cao có thể do với phương thức nuôi này gà tận dụng được nguồn thức ăn từ khu chăn thả đồng thời bổ sung thóc, thức ăn thô xanh để giảm chi phí thức ăn tinh và tỷ lệ nuôi sống cao đã làm tăng hiệu quả kinh tế.

4. KẾT LUẬN

Gà Lạc Thủy nuôi ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ) trong điều kiện bán chăn thả có:

- Tỷ lệ sống cuối kỳ đạt 96,45%, chứng tỏ

gà Lạc Thủy có sức sống cao và thích nghi tốt với điều kiện ở Quảng Bình (cũ).

- Khả năng sinh trưởng tăng mạnh từ 4 -12 tuần tuổi sau đó giảm dần theo thời gian nuôi, trong đó cao nhất ở tháng nuôi thứ 3. Xuất bán lúc 20 tuần tuổi khối lượng gà trung bình đạt 2,02 kg/con, chi phí thức ăn cho 1kg tăng khối lượng là 4,25 kg.

- Tốc độ sinh trưởng có sự sai khác đáng kể theo giới tính, trong đó gà trống cao hơn gà mái từ 3 - 8 g/ngày sau 4 đến 18 tuần tuổi và khối lượng cơ thể nặng hơn 502 g/con tương ứng khoảng 22% tại thời điểm xuất bán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), “*Quy chuẩn quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học*”, QCVN

01-15:2010/BNNPTNT0.

[2] Nguyễn Quế Côi, Trần Phùng Thanh Thủy, Phạm Văn Giới, Nguyễn Thị Loan (2000),

- Đặc điểm sinh trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu gà Ri, gà Hồ và gà Đông Tảo*, Báo cáo khoa học - Hội nghị Khoa học Sinh học, tr 337-343.
- [3] Phạm Thành Định, Nguyễn Thị Tường Vy, Nguyễn Đức Hưng, Ngô Văn Bình (2017), *Nghiên cứu sức sản xuất thịt của gà Lạc Thủy nuôi tại Đồng Nai*, Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, tr 201-211.
- [4] Kế hoạch 1618/KH-UBND, *Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*, UBND tỉnh Quảng Bình, 2022.
- [5] Phan Kiều Ngự, *Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh trưởng và chất lượng thịt của giống gà Lạc Thủy trong điều kiện nuôi bán chăn thả tại xã An Khê, tỉnh Gia Lai*, Luận văn thạc sĩ Sinh học, Trường Đại học Quy Nhơn, 2019.
- [6] Vũ Ngọc Sơn, Trần Quốc Hùng, Đỗ Thị Kim Dung, Nguyễn Văn Tám (2015), *Kết quả nuôi bảo tồn giống gà Lạc Thủy tại Viện chăn nuôi*. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Số 53, tr 25-36.
- [7] Trần Thị Trinh, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Đình Nguyên, Nguyễn Thị Hoài Thu, Đoàn Phương Thúy (2022), *Nghiên cứu năng suất và chất lượng thịt của gà Lạc Thủy và gà lai F1 (Lạc Thủy x Lương Phượng) nuôi tại Việt Yên-Bắc Giang*. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Số 133, tr 13-20.
- [8] Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Thị Thúy My (2015), *Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy - Hòa Bình*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Toàn Quốc Chăn nuôi Thú y, Cần Thơ, tr.195-200.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thùy

Phòng TT-ĐBCLGD, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

Email: thuyntt@quangbinhuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/6/2024

Ngày gửi phản biện: 16/6/2024

Ngày duyệt đăng: 15/8/2025